TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1336/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2018
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đoàn Văn Thanh;
2. Ông Nguyễn Văn Lượng.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Trần Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Võ Thị Vĩnh Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 53/2016/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2016 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3625/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6885/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Trần Thị P**, sinh năm: 1985 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
Thường trú: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Cần Thơ.
Tạm trú: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Ông **Ku Yu C**, sinh năm: 1969 (vắng mặt).
Địa chỉ: Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 12 năm 2015 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị P trình bày:

Sau khi tìm hiểu một thời gian thì vào ngày 26 tháng 02 năm 2013, bà và ông Ku Yu C cùng đến Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyển số 01 ngày 18 tháng 3 năm 2013).

Sau khi kết hôn, ông Ku Yu C quay về Đài Loan sinh sống và làm việc, hai bên ít có thời gian liên lạc, thường xuyên phát sinh những mâu thuẫn bất hòa

không thể hàn gắn được. Nhận thấy cả hai không thể tiếp tục chung sống được với nhau nữa nên bà yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị P khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định để thông báo thời gian tổ chức các phiên họp hòa giải để các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng ông Ku Yu C vắng mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn bà Trần Thị P vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Ku Yu C vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Trần Thị P và ông Ku Yu C là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh; bị đơn có nơi cư trú tại Đài Loan nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trong quá trình tố tụng, ngày 17 tháng 11 năm 2017 Tòa án đã gửi Văn bản Thông báo về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, phiên tòa xét xử vụ án cho bị đơn ông Ku Yu C theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 01 tháng 6 năm 2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được văn bản của Bộ Tư pháp thông báo kết quả ủy thác tư pháp cho ông Ku Yu C; tuy nhiên đến ngày mở phiên tòa bị đơn không có mặt nên phiên tòa phải hoãn. Đến ngày mở lại phiên tòa lần hai, Tòa án không nhận được ý kiến trả lời đồng thời bị đơn không có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 10 tháng 9 năm 2018, nguyên đơn bà Trần Thị P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình tố tụng

nguyên đơn đã cung cấp lời khai và xác định cụ thể yêu cầu khởi kiện nên việc nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

2. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 75, quyển số 01 ngày 18 tháng 3 năm 2013 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị P và ông Ku Yu C là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị P thì ông Ku Yu C sinh sống, làm việc ở Đài Loan còn bà ở Việt Nam nên vợ chồng không có điều kiện chung sống với nhau, có nhiều mâu thuẫn, bất hòa không thể hàn gắn được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã làm thủ tục ủy thác tư pháp đồng thời thông báo cho ông Ku Yu C biết yêu cầu ly hôn của bà Phượng và ngày Tòa án sẽ đưa vụ án ra xét xử nhưng không nhận được ý kiến trả lời; điều này cho thấy ông Ku Yu C không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà Phượng, như vậy việc hàn gắn là không còn biện pháp. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Phượng và ông Ku Yu C đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà P có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là nguyện vọng chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Bà P khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần Thị P chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về lệ phí, án phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị P được ly hôn với ông Ku Yu C.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị P chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng theo biên lai số AG/2010/09982 ngày 27 tháng 01 năm 2016 của

Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Trần Thị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Ông Ku Yu C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hậu